

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP



MIE

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

Hà Nội, tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

PHẦN MỞ ĐẦU	1
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Giải thích từ ngữ	2
Điều 2. Tên gọi, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	3
Điều 3. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh	4
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	10
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty	10
Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn thể trong MIE	11
Chương II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	11
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần	11
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	12
Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông	13
Điều 10. Chào bán cổ phần	14
Điều 11. Bán cổ phần	14
Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần	14
Điều 13. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	15
Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định MIE	15
Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	16
Chương III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	16
Điều 16. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	16
Mục 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	17
Điều 17. Cổ đông và quyền của cổ đông	17
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông	19
Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền và Người được ủy quyền dự họp	20
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	22

  

Điều 22. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 24. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 25. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	27
Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 27. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 29. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	32
Mục 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 31. Tư cách và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	33
Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị	35
Điều 34. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	36
Điều 35. Biên bản họp Hội đồng quản trị	39
Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	40
Điều 37. Thư ký Hội đồng quản trị	41
Mục 3. BAN KIỂM SOÁT	41
Điều 38. Ban kiểm soát	41
Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	42
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	42
Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	44
Điều 42. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên	44
Điều 43. Trách nhiệm của Kiểm soát viên	45
Mục 4. TỔNG GIÁM ĐỐC	45
Điều 44. Tổ chức bộ máy quản lý	45
Điều 45. Tổng giám đốc Tổng công ty	46
Điều 46. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc	47



Mục 5. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC	48
Điều 47. Trách nhiệm của người quản lý	48
Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	48
Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	49
Mục 6. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ MIE	50
Điều 50. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	50
Chương IV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	50
Điều 51. Phân phối lợi nhuận sau thuế	50
Điều 52. Chi trả cổ tức	51
Chương V. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	52
Điều 53. Tài khoản ngân hàng	52
Điều 54. Năm tài chính	52
Điều 55. Chế độ kế toán	52
Chương VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	53
Điều 56. Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm	53
Điều 57. Kiểm toán	53
Điều 58. Công bố thông tin	53
Chương VII. QUAN HỆ GIỮA MIE VỚI CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT	54
Điều 59. Quan hệ giữa MIE với đơn vị trực thuộc	54
Điều 60. Quan hệ giữa MIE với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do MIE sở hữu 100% vốn điều lệ	54
Điều 61. Quan hệ giữa MIE với Công ty con là công ty mà MIE nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, công ty liên kết	55
Chương VIII. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN	57
Điều 62. Giải thể, phá sản doanh nghiệp	57
Chương IX. NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC	57
Điều 63. Con dấu	57
Điều 64. Hiệu lực của Điều lệ	57



PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP và là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Tổng công ty. Bản Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và nhiệm kỳ 2026-2031 của Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực cùng ngày.



Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trừ trường hợp Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty có quy định khác, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. “Tổng công ty”, “MIE”: Là Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP.
2. “Vốn điều lệ”: Là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 7 Điều lệ này.
3. “Điều lệ” hoặc “Điều lệ Tổng công ty”: Là Điều lệ Tổng công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP.
4. “Luật Doanh nghiệp”: Là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung (nếu có).
5. “Luật Chứng khoán”: Là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các Luật sửa đổi, bổ sung (nếu có).
6. “Pháp luật”: Là tất cả các văn bản pháp luật của Nhà nước được quy định tại Luật ban hành các văn bản pháp luật (bao gồm cả văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế).
7. “Báo cáo tài chính”: Là báo cáo tài chính Cơ quan Tổng công ty hoặc/và báo cáo tài chính của Công ty mẹ hoặc/và báo cáo tài chính hợp nhất.
8. “Cổ đông”: Là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.
9. “Cổ phần đã bán”: Là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Tổng công ty.
10. “Cổ phần chưa bán”: Là số cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho Tổng công ty.
11. “Người quản lý của Tổng công ty”: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng Tổng công ty.
12. “Người có quan hệ gia đình”: Bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.



13. “Người có liên quan”: Là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với MIE trong các trường hợp quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

14. “Công ty mẹ Tổng công ty”: Bao gồm Cơ quan Tổng công ty và các đơn vị phụ thuộc Tổng công ty.

15. “Các đơn vị phụ thuộc Tổng công ty”: Là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ Tổng công ty.

16. “Công ty con”: Là công ty do Tổng công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối (trên 50% vốn điều lệ), được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

17. “Công ty liên kết”: Là công ty mà Tổng công ty nắm giữ cổ phần, vốn góp không chi phối (nhỏ hơn 50% vốn điều lệ). Công ty liên kết được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

18. “Địa chỉ liên lạc”: Là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.

19. “Giấy tờ pháp lý của cá nhân”: Là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

20. “Giấy tờ pháp lý của tổ chức”: Là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Điều 2. Tên gọi, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP.

- Tên tiếng Anh: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

- Tên viết tắt: MIE

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP.

- Logo của Tổng công ty:

MIE

2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở chính của Tổng công ty:

- Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

- Điện thoại: +84 24 3825 2498

- Email: info@mie.com.vn

- Website: www.mie.com.vn

4. Số lượng người đại diện theo pháp luật: 01 người và là Tổng giám đốc Tổng công ty.

5. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

6. Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP chính thức hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Thời hạn hoạt động của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động:

MIE huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh trên lĩnh vực ngành nghề đã được đăng ký kinh doanh, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý, nhằm mục đích tạo ra lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho toàn thể cổ đông và MIE, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả đầu tư, mở rộng liên doanh, liên kết, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; đóng góp với Ngân sách nhà nước, xây dựng MIE ngày càng ổn định và phát triển vững mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	2593	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng
2	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
3	2651	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển
4	2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
5	2811	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)

STT	Mã ngành	Tên ngành
6	2814	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
7	2816	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp
8	2819	Sản xuất máy thông dụng khác
9	2822	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại
10	2823	Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim
11	2825	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá
12	2826	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da
13	2399	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
14	2410	Sản xuất sắt, thép, gang
15	2420	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu 24202: Sản xuất kim loại màu
16	2431	Đúc sắt, thép
17	2432	Đúc kim loại màu
18	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
19	2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
20	2513	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)
21	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
22	2592 (Chính)	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
23	0710	Khai thác quặng sắt
24	0729	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
25	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
26	0899	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu

STT	Mã ngành	Tên ngành
27	4672	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
28	4673	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
29	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu 46792: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)
30	4690	Bán buôn tổng hợp
31	2829	Sản xuất máy chuyên dụng khác
32	3011	Đóng tàu và cầu kiện nổi Chi tiết: Đóng cầu kiện nổi (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
33	3012	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí Chi tiết: Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
34	3250	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ sản xuất răng giả);
35	3311	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn
36	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị
37	3319	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác
38	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
39	3700	Thoát nước và xử lý nước thải
40	3821	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
41	3822	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế
42	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
43	4311	Phá dỡ
44	4312	Chuẩn bị mặt bằng

STT	Mã ngành	Tên ngành
45	4321	Lắp đặt hệ thống điện
46	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
47	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
48	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
49	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy: Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế.
50	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
51	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
52	3511	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo
53	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
54	4101	Xây dựng nhà để ở
55	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện - cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước;

STT	Mã ngành	Tên ngành
		- Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; - Thăm tra thiết kế xây dựng công trình; - Lập, thăm tra dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án; - Kiểm định xây dựng; - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; - Tư vấn quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; - Dịch vụ tư vấn đấu thầu; - Hoạt động đo đạc bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước.
56	4102	Xây dựng nhà không để ở
57	7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động thiết kế chuyên dụng, thiết kế thiết bị, kết cấu thép cho các công trình công nghiệp và dân dụng; - Thiết kế cơ khí, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí.
58	7499	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu
59	4211	Xây dựng công trình đường sắt
60	4212	Xây dựng công trình đường bộ
61	4221	Xây dựng công trình điện

STT	Mã ngành	Tên ngành
62	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư;
63	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
64	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
65	4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
66	4229	Xây dựng công trình công ích khác
67	4291	Xây dựng công trình thủy
68	4292	Xây dựng công trình khai khoáng
69	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
70	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
71	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí
72	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
73	8531	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp sơ cấp
74	8532	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp trung cấp
75	0510	Khai thác và thu gom than cứng

STT	Mã ngành	Tên ngành
76	0520	Khai thác và thu gom than non
77	0620	Khai thác khí đốt tự nhiên
78	0892	Khai thác và thu gom than bùn
79	4671	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan 46711: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác 46712: Bán buôn dầu thô 46713: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan 46714: Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan

Trong quá trình hoạt động, MIE có thể bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. MIE được quyền lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của MIE.

2. Trực tiếp sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực cơ khí chế tạo máy, xây lắp các công trình công nghiệp và các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua; thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty

1. Quyền của Tổng công ty:

- a) Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm;
- b) Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh;
- c) Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn;
- d) Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
- e) Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu;
- f) Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
- g) Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;
- h) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp;

- i) Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật;
- j) Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;
- k) Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;
- 1. Quyền khác theo quy định của luật có liên quan.
- 2. Nghĩa vụ của Tổng công ty:
 - a) Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh;
 - b) Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê;
 - c) Kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - d) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật;
 - e) Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;
 - f) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
 - g) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó;
 - h) Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bình đẳng giới; bảo vệ tài nguyên, môi trường, ...;
 - i) Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng.

Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn thể trong MIE

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, của tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ:

a) Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP là: 1.419.915.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm mười chín tỷ chín trăm mười lăm triệu đồng);

b) Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 141.991.500 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể được điều chỉnh vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Toàn bộ các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do MIE phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của MIE. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của MIE;

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

e) Chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của MIE;

f) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của MIE và ngày phát hành cổ phiếu.

3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do MIE phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó sẽ không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật MIE phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với MIE và cổ đông sở hữu cổ phần.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của MIE hoặc ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của MIE (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được MIE cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho MIE chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được MIE cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ “Đăng ký cổ đông” được lập ngay sau khi MIE được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Sổ Đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, trụ sở chính của MIE;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của MIE hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bảo trữ Chứng khoán Việt Nam. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Tổng công ty hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bảo trữ Chứng khoán Việt Nam.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời cho MIE để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. MIE không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Tổng công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc MIE tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau:

- a) Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán cổ phần ra công chúng;
- c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng của MIE thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Tổng công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc bán cổ phần.

Điều 11. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị MIE quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau:

- 1. Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
- 2. Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở Tổng công ty.
- 3. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
- 4. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng cổ đông quy định.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Tổng công ty.

4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa

kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Tổng công ty.

6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại điều này chỉ trở thành cổ đông của MIE từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 9 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

7. Tổng công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 13. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại MIE hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ MIE, có quyền yêu cầu MIE mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu MIE mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến MIE trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ của MIE trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá. MIE giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của MIE

Tổng công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu MIE không quy định và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá cổ phần mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3. Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong MIE. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của

MIE phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của MIE, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho MIE.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được MIE trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc của người đại diện theo pháp luật của cổ đông. MIE chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Tổng công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, MIE vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Điều lệ này. MIE phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được MIE mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với MIE.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty mẹ MIE giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 16. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

Mục 1

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 17. Cổ đông và quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ MIE quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong MIE;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ MIE, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Trường hợp MIE giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào MIE sau khi MIE đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h) Yêu cầu MIE mua lại cổ phần của họ theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của MIE khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của MIE; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này phải được lập thành văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của MIE, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung

thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh MIE khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho MIE hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ MIE, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của MIE để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

7. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu thông qua các hợp đồng trong đó cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần đã cam kết mua.



3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi MIE dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được MIE hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong MIE phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và phải thông báo ngay cho Tổng công ty khi có bất cứ thay đổi nào đối với các thông tin đã đăng ký.

5. Cổ đông phổ thông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của MIE trong phạm vi số vốn đã góp vào MIE.

6. Bảo mật các thông tin được MIE cung cấp theo quy định tại Điều lệ MIE và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được MIE cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền và Người được ủy quyền dự họp

1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định pháp luật. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có thể cử tối đa năm (05) người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Tổng công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của cổ đông;
- b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Tổng công ty;
- c) Số lượng, họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của người đại diện theo ủy quyền;
- d) Số cổ phần và tỷ lệ cổ phần được ủy quyền đại diện;
- e) Thời hạn đại diện theo ủy quyền (ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền);
- f) Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

2. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật, có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho Người được ủy quyền dự họp tham dự. Người được ủy quyền dự họp không nhất thiết phải là cổ đông.

3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền;

số lượng cổ phần và tỷ lệ cổ phần được quyền; nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

4. Giá trị của phiếu biểu quyết của Người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền:

- a) Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, khoản này sẽ không áp dụng nếu Tổng công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong ba trường hợp nêu trên chậm nhất bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Mọi hạn chế của cổ đông đối với Người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của MIE. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của MIE;
- b) Các báo cáo quý hoặc sáu tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị giảm xuống còn một nửa so với đầu kỳ;
- c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản kiến nghị;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng bất kỳ người quản lý doanh nghiệp nào vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 48, Điều 49 Điều lệ này;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm c Khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu như quy định tại điểm d, e khoản 4 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết;

d) Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này sẽ được MIE hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 22 Điều lệ này.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của MIE;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ đã được kiểm toán;

- f) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ MIE;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán; phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty mẹ;
- h) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho MIE và cổ đông MIE;
- j) Quyết định tổ chức lại, giải thể MIE;
- k) Phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán;
- l) Quyết định tổng số tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của MIE;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả sản xuất kinh doanh của MIE, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được Đại hội đồng cổ đông đưa ra thảo luận và biểu quyết.

Điều 22. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều 20 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau để tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty; trường hợp Tổng công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- Phiếu biểu quyết;

- Mẫu chỉ định theo đại diện uỷ quyền dự họp.

b) Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông phải gửi xác nhận tham dự đại hội hoặc uỷ quyền dự Đại hội về MIE để lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

c) Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối quyền kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất

năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này;

c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

Điều 23. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, MIE phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp MIE áp dụng công nghệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, MIE có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-

CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 25. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên.

Trong trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được MIE quy định tại quy chế nội bộ về quản trị MIE. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 20% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên.

Trong trường hợp số lượng các ứng cử viên vào Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được MIE quy định tại quy chế nội bộ về quản trị MIE. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên vào Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu

biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ MIE. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;

b) Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:

- Định hướng phát triển MIE;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ đã được kiểm toán;
- Tổ chức lại, giải thể MIE.

2. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý MIE;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ đã được kiểm toán ;
- Tổ chức lại, giải thể MIE.

b) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều này và khoản 3 Điều 25 Điều lệ này;

c) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;

d) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp MIE có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MIE.

Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về MIE phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến MIE theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về MIE phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về MIE qua thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về MIE sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý MIE.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp MIE có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MIE.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của MIE.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu thành phần cuộc họp có người nước ngoài) và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục và danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản giữa bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của MIE trong thời hạn 24 giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 29. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 dưới đây, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này;

c) Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Mục 2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) đến năm (05) người, trong đó một (01) Chủ tịch và các thành viên. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Trường hợp bầu bổ sung hoặc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm thì thời hạn nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế bằng thời gian còn lại của nhiệm kỳ năm (05) năm của thành viên khác.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị khi được bổ nhiệm giữ chức vụ khác thì phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 31. Tư cách và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn Đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản lý, quản trị kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc;

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc MIE, Chủ tịch Công ty tại các Công ty con. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác.

Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý MIE, có toàn quyền nhân danh MIE để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MIE không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của MIE;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của MIE;

e) Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng; quyết định giá cổ phần mua lại theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ đã được kiểm toán;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ đã được kiểm toán. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc MIE.

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng MIE theo đề nghị của Tổng giám đốc MIE;

j) Cử người đại diện phần vốn góp của MIE ở các Công ty con và doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc MIE;

k) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và nâng bậc lương, mức lương tối đa/thù lao đối với Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên tại công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do MIE nắm giữ 100% vốn điều lệ theo đề nghị của Tổng giám đốc MIE;

l) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

m) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của MIE;

n) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của MIE; Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh;

- r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản MIE;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ MIE và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ MIE gây thiệt hại cho MIE thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho MIE; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của MIE có quyền yêu cầu toà án đình chỉ thực hiện hoặc huỷ bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

4. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của MIE và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người quản lý MIE cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của MIE;
- b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị MIE bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị MIE.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;



f) Kiến nghị Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc. Thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc (nếu có);

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức, miễn nhiệm hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận đơn từ chức hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bị bãi nhiệm.

Điều 34. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của MIE hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác của Tổng công ty;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác phù hợp quy định của pháp luật.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với MIE; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng đường bưu điện, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại MIE.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của MIE;

c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Lợi ích liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với MIE và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với MIE, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

13. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm người như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp đề xuất và được nhất trí bởi đa số thành viên Hội đồng quản trị (trên 50%).

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết (trên 50%). Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

Điều 35. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MIE.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại khoản 1 Điều 30 Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b) Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn 1/3 so với quy định pháp luật, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số lượng thành viên ít hơn 1/3 so với quy định pháp luật;

c) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 37. Thư ký Hội đồng quản trị

Tùy từng thời điểm, Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc một số người làm Thư ký Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Hội đồng quản trị khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tham mưu về thủ tục của các cuộc họp, tham dự các cuộc họp quy định tại khoản 1 Điều này; ghi chép các biên bản họp; đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với pháp luật.
3. Giúp thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
4. Giúp Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty.
5. Thực hiện công tác cung cấp thông tin và thủ tục hành chính.
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
7. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hội đồng quản trị MIE và pháp luật.
8. Thư ký Hội đồng quản trị MIE có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ MIE.

Mục 3

BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) người, trong đó một (01) Trưởng ban và các Kiểm soát viên.

- a) Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm;
- b) Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp tất cả thành viên Ban kiểm soát cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Ban kiểm soát cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Trường hợp bầu bổ sung hoặc bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm thì thời hạn nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế bằng thời gian còn lại của nhiệm kỳ năm (05) năm của thành viên khác.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý và thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của Người đại diện theo ủy quyền được quy định tại Điều 19 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý MIE; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của MIE;

d) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liên trước đó.

3. Đối với Trưởng Ban kiểm soát, ngoài các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì Trưởng Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách và đã làm việc trong ngành, lĩnh vực cơ khí ít nhất năm (05) năm.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành MIE; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của MIE, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của MIE.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của MIE, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của MIE khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của MIE.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của MIE.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 47, Điều 48 Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của MIE.

Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số kiểm soát viên trở lên dự họp.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của MIE để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

13. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

d) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.

14. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 39 Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

15. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ MIE;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 42. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của MIE và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 43. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ MIE, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của MIE và pháp luật.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho MIE hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho MIE.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Mục 4

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 44. Tổ chức bộ máy quản lý

Tổng công ty có Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng (ban) chuyên môn nghiệp vụ, văn phòng đại diện, các đơn vị được thành lập để thực hiện công tác sản xuất kinh doanh hằng ngày, giúp việc Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị.

Điều 45. Tổng giám đốc Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác giữ chức Tổng giám đốc. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc được tính vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của MIE và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng giám đốc phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Có trình độ chuyên môn Đại học trở lên; có kinh nghiệm trong quản lý, quản trị kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, hoạt động trong ngành, lĩnh vực cơ khí ít nhất ba (03) năm;

c) Tổng giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý MIE, kiểm soát viên MIE, Người đại diện phần vốn SCIC tại MIE, Người đại diện phần vốn MIE tại các Công ty TNHH một thành viên, Công ty cổ phần;

4. Tổng giám đốc có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Đề nghị Hội đồng quản trị cử người đại diện phần vốn góp của MIE ở các công ty con và doanh nghiệp khác theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật;

j) Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng tại công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn

một thành viên do MIE nắm giữ 100% vốn điều lệ theo đề nghị của Chủ tịch công ty;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty.

Điều 46. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó Tổng giám đốc MIE do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển, thôi việc, nghỉ hưu hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo đề nghị của Tổng giám đốc với thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành MIE theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

Số lượng Phó Tổng giám đốc không quá năm (05) người.

2. Kế toán trưởng MIE do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển, thôi việc, nghỉ hưu hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo đề nghị của Tổng giám đốc với thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của MIE; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại MIE theo pháp luật về tài chính, kế toán, thống kê; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

3. Văn phòng, các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ, văn phòng đại diện, các đơn vị được thành lập giúp Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh của MIE. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc quy định cho từng đơn vị, từng thời điểm phù hợp.

4. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được tính vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của MIE và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Chế độ lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng của bộ máy giúp việc thực hiện theo quy định của Tổng công ty.

Mục 5**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC****Điều 47. Trách nhiệm của người quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác có trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật.
2. Trung thành với lợi ích của MIE và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của MIE, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho MIE về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 48 Điều lệ này.
4. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của MIE và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của MIE.
5. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Tổng công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Tổng công ty theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Điều lệ này và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Tổng công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.



4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Tổng công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Tổng công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Tổng công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn

khổ luật pháp cho phép. MIE có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Mục 6

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ MIE

Điều 50. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của MIE. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý doanh nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của MIE, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của MIE vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. MIE phải lưu Điều lệ và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp.

Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ MIE phải được công bố trên Website của MIE.

Chương IV

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 51. Phân phối lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận (kế toán) sau thuế hàng năm được phân phối như sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn, được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có).

3. Số lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

- a) Trích lập quỹ đầu tư phát triển;
- b) Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi;
- c) Chia cổ tức;
- d) Trích quỹ khác và/hoặc để lại năm sau (nếu có).

Mức trích cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

Điều 52. Chi trả cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của MIE theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của MIE trong kỳ thực hiện.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

5. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

6. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu của MIE. Đồng tiền chi trả là đồng Việt Nam, chi trả qua các hình thức bằng séc/chuyển khoản/qua bưu điện đến địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp MIE đã chuyển khoản theo đúng các thông tin về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, MIE không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền MIE chuyển cho cổ đông thụ hưởng (bên nhận cổ tức chịu chi phí chuyển tiền).

7. Trường hợp MIE đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán, việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

8. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng loại cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức đảm bảo đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có nội dung sau đây:

- a) Tên MIE và địa chỉ trụ sở chính của MIE;
- b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông cá nhân;
- c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- d) Số lượng cổ phần của từng loại cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó sẽ được nhận;
- e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện pháp luật của MIE.

9. Đối với cổ tức được chia đối với phần vốn nhà nước MIE phải kê khai, nộp ngân sách theo quy định.

10. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người được nhận cổ tức từ MIE.

Chương V

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 53. Tài khoản ngân hàng

- 1. MIE mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam;
- 2. Theo sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, trong những trường hợp cần thiết, MIE có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật;
- 3. MIE tiến hành thực hiện tất cả các khoản thanh toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà MIE mở tài khoản theo quy định của pháp luật phải thanh toán qua ngân hàng.

Điều 54. Năm tài chính

Năm tài chính của MIE bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 55. Chế độ kế toán

- 1. Chế độ kế toán của MIE sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 2. MIE lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt Nam. Hồ sơ kế toán của MIE phải được lưu giữ, lưu trữ khoa học và theo đúng quy định pháp luật. Hồ sơ này phải

chính xác, cập nhật, có hệ thống, và phải đầy đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch của MIE.

3. MIE sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 56. Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm

1. MIE phải lập báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm theo quy định.

2. MIE phải kiểm toán báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm và gửi các cơ quan có thẩm quyền.

3. Các báo cáo, tài liệu báo cáo tài chính hàng năm của MIE, của các công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của MIE phải được Tổng giám đốc MIE chấp thuận, trình Hội đồng quản trị MIE phê duyệt và phải lưu giữ tại trụ sở chính của MIE.

4. Các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện đều được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo bán niên và báo cáo quý của MIE.

Điều 57. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán MIE, kiểm toán các công ty con của MIE cho năm tài chính, theo những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

Các công ty con phải thực hiện kiểm toán tại đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín trong danh sách được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, đồng thời phải báo cáo MIE công tác quản trị tài chính theo Quy chế Tài chính MIE và quy định của pháp luật.

2. MIE phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính về trình tự, nội dung và thời gian kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Công bố thông tin

MIE lập các báo cáo và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Chương VII

QUAN HỆ GIỮA MIE VỚI CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 59. Quan hệ giữa MIE với đơn vị phụ thuộc

Đơn vị phụ thuộc MIE thực hiện chế độ phân cấp hoạt động sản xuất kinh doanh, hạch toán, tổ chức và nhân sự, ... theo quy định tại Quy chế Tổ chức hoạt động của đơn vị phụ thuộc.

Điều 60. Quan hệ giữa MIE với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do MIE sở hữu 100% vốn điều lệ

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do MIE sở hữu 100% vốn điều lệ được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các quyền của MIE:

a) Quyết định thành lập, vốn điều lệ khi thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Phê duyệt Quy chế Quản lý tài chính, Quy chế Hoạt động của Kiểm soát viên công ty;

c) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của công ty;

d) Tổ chức giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, luân chuyển, nghỉ chế độ, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương và lợi ích khác đối với Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên công ty;

f) Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với: Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc); Kế toán trưởng công ty sau khi được Tổng giám đốc MIE chấp thuận thông qua;

g) Phê duyệt quỹ tiền lương và thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng của Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và Kiểm soát viên công ty;

h) Quyết định hoạt động đầu tư theo phân cấp;

i) Quyết định việc mua, bán, thanh lý tài sản cố định; góp vốn; hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác theo phân cấp;

j) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

k) Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;

l) Phê duyệt báo cáo tài chính phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của công ty;

m) Các quyền và nghĩa vụ khác của đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ này, điều lệ của công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các quy định khác của pháp luật.

3. Nghĩa vụ và trách nhiệm của MIE:

a) Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty;

b) Tuân thủ Điều lệ công ty;

c) Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty;

d) Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty và chủ sở hữu công ty;

e) Chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty;

f) Không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;

g) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Điều 61. Quan hệ giữa MIE với Công ty con là công ty mà MIE nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, công ty liên kết

1. Công ty con (trừ công ty trách nhiệm hữu hạn mà MIE nắm giữ 100% vốn điều lệ), công ty liên kết, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại công ty đó.

2. MIE là chủ sở hữu phần vốn của MIE tại các công ty này. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị MIE thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Điều lệ, quy chế của công ty con, công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn góp của MIE (gọi tắt là người đại diện) bao gồm nhưng không giới hạn việc:

a) Cử, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện tại các công ty con, công ty liên kết;

b) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện xin ý kiến trước khi biểu quyết tại công ty con, công ty liên kết và các vấn đề quan trọng như:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;
- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;
- Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm (05) năm của doanh nghiệp; danh mục các dự án đầu tư;
- Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;
- Chủ trương mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp;
- Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm;
- Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

c) Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh và các nội dung khác của công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của MIE;

d) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đã góp vào công ty con, công ty liên kết; giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con, công ty liên kết.

3. MIE quan hệ với công ty liên kết thông qua các hợp đồng thỏa thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các thỏa thuận khác.

4. Trường hợp MIE có vốn góp dưới mười phần trăm (10%) vốn điều lệ tại công ty liên kết thì có thể không cử người đại diện phần vốn góp, nhưng phải tổ chức theo dõi số vốn góp, lợi tức được chia và các lợi ích khác từ phần vốn góp tại công ty liên kết; phân công người thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của MIE theo quy định của pháp luật, Điều lệ của các công ty liên kết hoặc theo hợp đồng, thỏa thuận liên kết.

5. Các vấn đề khác theo quy chế quản lý người đại diện của MIE tại các doanh nghiệp khác và quy định của pháp luật.



Chương VIII GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 62. Giải thể, phá sản doanh nghiệp

1. Việc giải thể, phá sản MIE được thực hiện theo các quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể, phá sản các công ty con, công ty liên kết được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IX NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 63. Con dấu

1. MIE có quyền quyết định về hình thức, số lượng, nội dung và quy định sử dụng con dấu của MIE. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:
 - a) Tên doanh nghiệp;
 - b) Mã số doanh nghiệp;
 - c) Màu mực đỏ;
 - d) Kích thước: đường kính 36 mm.
2. Người đại diện theo pháp luật của MIE chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của MIE.

Điều 64. Hiệu lực của Điều lệ

1. Bản Điều lệ này gồm chín (09) Chương, sáu mươi tư (64) Điều và được phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và nhiệm kỳ 2026-2031 của Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực cùng ngày.

Bản Điều lệ này được lập thành hai mươi (20) bản có giá trị như nhau, trong đó:

- a) 15 bản gửi các cơ quan có thẩm quyền;
 - b) 05 bản lưu tại MIE.
2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của MIE chưa được đề cập đến trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của MIE.
 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của MIE.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ MIE có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của MIE và đóng dấu của MIE.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Lê Huy Hải 

Phạm Thị Mai Hương 

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT**

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Trung Thực